

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2021/HS-PT

Ngày: 01- 9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

*Các Thẩm phán:* Ông Lò Văn Lịch.

Bà Bùi Thị Thu Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:**  
Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo Cầm Long T do có kháng của bị cáo Cầm Long T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2021/HS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Cầm Long T** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 04/4/1980 tại Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Số nhà 101B3 V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Bản A (Đội 4A), xã X, huyện D, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cầm Long Th (Đã chết) và bà: Bạc Thị T2; Vợ Bùi Thị Hải S (đã ly hôn 2018) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Có 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2020, sau đó bị tạm giam cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

**- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo.**

**- Bị hại:** Chị Lò Thị Q - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa)

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại chị Lò Thị Q:** Bà Lê Thị X - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Hải Y - Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Lò Văn H- Sinh năm: 1974; Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện D, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Bà Lò Thị D - Sinh năm: 1974; Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện D, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Anh Lường Văn D - Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Bản X1, xã P, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lò Văn H, bà Lò Thị D, anh Lường Văn D:* Chị Lò Thị Q - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lường Thị O - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Đội 0, xã C, huyện D, tỉnh Điện (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Chị Trần Thị H - Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Đội 0, xã H, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có nghề nghiệp ổn định, chỉ làm ăn kinh doanh ngoài, song để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, Cầm Long T đã đưa ra những thông tin không chính xác về bản thân như: Có nhiều mối quan hệ, có thể xin được việc cho những ai có nhu cầu vào làm việc ở một số cơ quan Nhà nước. Làm cho chị Lò Thị Q là bạn học với chị Lường Thị O, chị Q nghe chị O kể Cầm Long T có nhiều mối quan hệ có thể nhờ xin việc được và O cũng đang nhờ xin việc, sắp được đi làm. Chị O cho Q 02 số điện Thoại của T là 096XXX và 096XXX để Q liên lạc. Vào giữa tháng 8/2019, Q gọi điện, nhắn tin nhờ T xin việc hộ, T nhất trí và thống nhất số tiền xin việc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và bảo Q chuẩn bị hồ sơ xin việc và 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền đặt cọc, sau đó T chủ động nhắn tin hẹn thời gian, địa điểm để giao tiền và hồ sơ. Ngày 10/9/2019 Q đã giao 110.000.000 (*Một trăm mười triệu đồng*) đồng và một bộ hồ sơ xin việc tại nhà nghỉ Xuân Long, xã Pom Lót, huyện D, tỉnh Điện Biên cho T có ông Lò Văn H, bà Lò Thị D (là bố mẹ đẻ của Q) và Lường Văn D (là anh rể họ của Q) chứng kiến. Tại đây, T đã tự tay viết 01 “Giấy vay tiền” có nội dung vay “Tên tôi là Cầm Long T có vay anh, chị Lò Văn H số tiền là một trăm mười triệu (*110 triệu đồng*)” và hứa sau vài ngày sẽ thông báo cho Q biết là xin vào cơ quan nào và hứa xin trong năm 2019, nếu không xin được sẽ trả lại tiền. Đến ngày 04/10/2019 T gửi cho Q số tài khoản của Nguyễn Thị Hải Y (là em dâu T), để Q chuyển tiếp 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), sau đó T đã nhận lại 40.000.000 đồng tiền mặt trực tiếp từ Y. Tổng số tiền T nhận để xin việc cho Q là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Kể từ khi giao

tiền, Q thường xuyên liên lạc với T qua điện thoại và nhắn tin hỏi về tình hình xin việc cho Q, T trả lời không xin được vào Cảng Hàng Không vì Q không đủ chiều cao và tiếp tục đưa ra thông tin xin sang cơ quan khác cho Q là Cục Hải Quan (Cửa khẩu quốc tế Tây Trang hoặc cửa khẩu Huổi Puốc), nhưng chờ đợi mãi không có kết quả. Khoảng tháng 02/2020 Q đòi tiền không xin việc nữa, thì T lại tiếp tục hứa hẹn và bảo Q giao nốt 50.000.000 đồng như đã thống nhất để xin việc. Q không nhất trí mà trả lời bao giờ nhận quyết định chính thức thì sẽ gửi nốt tiền và sẽ không quên công sức của T. Không xin được việc, ngày 09/3/2020 Q yêu cầu trả lại tiền, T đưa ra nhiều lý do và không trả tiền cho Q. Ngày 18/5/2020 Q làm đơn tố giác Cầm Long T gửi cơ quan điều tra - Công an huyện D, tỉnh Điện Biên yêu cầu T trả lại số tiền 150.000.000 đồng và xử lý T theo đúng quy định của pháp luật.

Tại kết luận số 649/GĐ-PC09 ngày 06/7/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên về chữ viết, chữ ký đứng tên Cầm Long T trên Giấy vay tiền, với chữ viết, chữ ký đứng tên Cầm Long T trên 04 (Bốn) bản tự khai kết luận: Là cùng một người viết và ký ra.

Ngày 17/8/2020 Cơ quan CSĐT - Công an huyện D trưng cầu giám định số 319, về việc: Trích xuất dữ liệu điện thoại. Ngày 24/8/2020 phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên có kết luận số 787/GĐ-PC09 về trích xuất dữ liệu điện thoại với nội dung như sau:

Trong bộ nhớ máy của chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) tìm thấy dữ liệu là 35 (Ba mươi lăm) mục tin nhắn đi, tin nhắn đến trao đổi giữa số thuê bao của chị Lò Thị Q với số thuê bao 096XXX. Toàn bộ nội dung trên được thể hiện tại Phụ lục - Mục I kèm theo Kết luận giám định này.

Trong bộ nhớ máy của chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) tìm thấy 208 (Hai trăm linh tám) mục tin nhắn đi, tin nhắn đến trao đổi giữa số thuê bao của chị Q với số thuê bao 096XXX. Toàn bộ nội dung trên được thể hiện tại Phụ lục - Mục II kèm theo Kết luận giám định này.

Kết luận về nội dung đã trích xuất từ chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) và tài liệu mẫu so sánh M1, M2 như sau:

Toàn bộ nội dung các mục tin nhắn đã trích xuất từ chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) thể hiện ở Phụ lục - Mục I trùng khớp với nội dung trong tài liệu M1 mà chị Q cung cấp.

Nội dung các mục tin nhắn đã trích xuất từ chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) thể hiện ở Phụ lục - Mục II cụ thể: Các mục từ số 1 đến 176, từ số 180 đến 208 (Tổng cộng 205 mục) trùng khớp với nội dung thể hiện trong tài liệu M2; Các mục từ số 177 đến 179 (tổng cộng 3 mục) tìm thấy trong chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) nhưng không tìm thấy trong nội dung tài liệu M2 mà chị Q đã cung cấp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định trên của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2020/HS-ST ngày 22/ 6/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Cầm Long T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Cầm Long T 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (16/11/2020).

3. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 11 ngày 17/8/2020, số 12 ngày 27/8/2020 và số 01, 09 ngày 06/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Điện Biên.

Trả lại cho chị Trần Thị H - Sinh năm:1976; Địa chỉ: Đội 20, xã H, huyện D, tỉnh Điện Biên 01 chiếc USB (Chị H đã nộp tại phiên tòa ngày 17/6/2021).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Cầm Long T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lò Thị Q số tiền là: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo được 5.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0000038 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Điện Biên). Buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại chị Lò Thị Q số tiền còn lại là: 145.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét sơ thẩm, ngày 30/6/2021 bị cáo Cầm Long T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Do người bào chữa cho bị cáo là bà Nguyễn Thị Minh C luật sư Văn phòng luật sư B và cộng sự vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo Cầm Long T sẽ tự mình bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Căn cứ theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Cầm Long T đã khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội là lao động sản xuất để bồi thường thiệt hại cho bị hại và tác động gia đình bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Bị hại chị Lò Thị Q không khiếu nại gì về tội danh và hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, ngày 01/9/2021 gia đình bị cáo cũng đã bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên cho rằng: Về hình thức, đơn kháng cáo của bị cáo nằm trong hạn luật định, được coi là hợp lệ.

Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết là đúng người, đúng tội không oan sai và tác động để gia đình bồi thường một phần cho bị hại, nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy tại phiên tòa xét xử phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, sửa bản án số: 175/2021/HS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên theo hướng:

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Chăm Long T từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự ghi nhận việc gia đình bị cáo đã bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Do không đồng ý với quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự số: 175/2021/HS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên.

Ngày 30/6/2021 bị cáo Chăm Long T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ theo Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định, nên cần chấp nhận và xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Chăm long T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Về tội danh: Mặc dù không có nghề nghiệp ổn định, chỉ làm ăn kinh doanh ngoài, song để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, Chăm Long T đã đưa ra những thông tin không chính xác về bản thân như: Có nhiều mối quan hệ, có thể xin được việc cho những ai có nhu cầu vào làm việc ở một số cơ quan Nhà nước tại tỉnh Điện Biên như Cảng hàng không Điện Biên, Cục Hải quan tỉnh Điện Biên làm cho bị hại chị Lò Thị Q là bạn học với chị Lương Thị O, chị Q nghe chị O kể Chăm Long T có nhiều mối quan hệ có thể nhờ xin việc được và O cũng đang nhờ xin việc, sắp

được đi làm. O cho Q 02 số điện thoại của T là 0961366896 và 0961178886 để chị Q liên lạc với Cẩm Long T. Vào giữa tháng 8/2019, chị Q gọi điện, nhắn tin nhờ T xin việc hộ, T nhất trí và thống nhất số tiền xin việc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và bảo Q chuẩn bị hồ sơ xin việc và 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền đặt cọc, sau đó T chủ động nhắn tin hẹn thời gian, địa điểm để giao tiền và hồ sơ. Ngày 10/9/2019 Q đã giao 110.000.000 (*Một trăm mười triệu đồng*) đồng và một bộ hồ sơ xin việc tại nhà nghỉ Xuân Long, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cho T có ông Lò Văn H, bà Lò Thị Dung (là bố mẹ đẻ của chị Q) và anh Lương Văn D (là anh rể họ của Q) chứng kiến. Tại đây, T đã tự tay viết 01 “Giấy vay tiền” có nội dung vay “Tên tôi là Cẩm Long T có vay anh, chị Lò Văn H số tiền là một trăm mười triệu (*110 triệu đồng*)” và hứa sau vài ngày sẽ thông báo cho Q biết là xin vào cơ quan nào và hứa xin trong năm 2019, nếu không xin được sẽ trả lại tiền. Đến ngày 04/10/2019 T gửi cho chị Q số tài khoản của chị Nguyễn Thị Hải Y (là em dâu T), để chị Q chuyển tiếp 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), sau đó T đã nhận lại 40.000.000 đồng tiền mặt trực tiếp từ chị Y. Tổng số tiền T nhận để hứa xin việc cho chị Q là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Kể từ khi giao tiền, Q thường xuyên liên lạc với T qua điện thoại và nhắn tin hỏi về tình hình xin việc cho Q, T trả lời không xin được vào Cảnh Hàng Không vì chị Q không đủ chiều cao và tiếp tục đưa ra thông tin sẽ xin sang cơ quan khác cho chị Q là Cục Hải Quan (Cửa khẩu quốc tế Tây Trang hoặc cửa khẩu Huổi Puốc), nhưng chờ đợi mãi không có kết quả. Khoảng tháng 02/2020 chị Q đòi tiền không xin việc nữa, thì T lại tiếp tục hứa hẹn và bảo Q giao nốt 50.000.000 đồng như đã thống nhất để xin việc. Chị Q không nhất trí mà trả lời bao giờ nhận quyết định chính thức thì sẽ gửi nốt tiền và sẽ không quên công sức của T. Không xin được việc, ngày 09/3/2020 chị Q yêu cầu bị cáo Cẩm Long T trả lại số tiền 150 triệu nhưng T đưa ra nhiều lý do và không trả tiền cho chị Q. Ngày 18/5/2020 chị Q làm đơn tố giác Cẩm Long T gửi cơ quan điều tra - Công an huyện D, tỉnh Điện Biên yêu cầu T trả lại số tiền 150.000.000 đồng và xử lý T theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ theo bản kết luận số 649/GĐ-PC09 ngày 06/7/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên về chữ viết, chữ ký đứng tên Cẩm Long T trên Giấy vay tiền, với chữ viết, chữ ký đứng tên Cẩm Long T trên 04 (Bốn) bản tự khai kết luận: Là cùng một người viết và ký ra.

Ngày 17/8/2020 Cơ quan CSĐT - Công an huyện D trưng cầu giám định số 319, về việc: Trích xuất dữ liệu điện thoại. Ngày 24/8/2020 phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên có kết luận số 787/GĐ-PC09 về trích xuất dữ liệu điện thoại với nội dung như sau:

Trong bộ nhớ máy của chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) tìm thấy dữ liệu là 35 (Ba mươi lăm) mục tin nhắn đi, tin nhắn đến trao đổi giữa số thuê bao của chị Lò Thị Q với số thuê bao 09611788886. Toàn bộ nội dung trên được thể hiện tại Phụ lục - Mục I kèm theo Kết luận giám định này.

Trong bộ nhớ máy của chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) tìm thấy 208 (Hai trăm linh tám) mục tin nhắn đi, tin nhắn đến trao đổi giữa số thuê bao của chị Q với số thuê bao 0961366896. Toàn bộ nội dung trên được thể hiện tại Phụ lục - Mục II kèm theo Kết luận giám định này.

Kết luận về nội dung đã trích xuất từ chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) và tài liệu mẫu so sánh M1, M2 như sau:

Toàn bộ nội dung các mục tin nhắn đã trích xuất từ chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) thể hiện ở Phụ lục - Mục I trùng khớp với nội dung trong tài liệu M1 mà chị Q cung cấp.

Nội dung các mục tin nhắn đã trích xuất từ chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) thể hiện ở Phụ lục - Mục II cụ thể: Các mục từ số 1 đến 176, từ số 180 đến 208 (Tổng cộng 205 mục) trùng khớp với nội dung thể hiện trong tài liệu M2; Các mục từ số 177 đến 179 (tổng cộng 3 mục) tìm thấy trong chiếc điện thoại di động (Kí hiệu A) nhưng không tìm thấy trong nội dung tài liệu M2 mà chị Q đã cung cấp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định trên của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Cầm Long T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì về tội danh. Do vậy về tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo Cầm Long T là có căn cứ bị cáo không bị oan sai.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn, hối cải và tác động để gia đình tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), bị hại cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, đơn kháng cáo và đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên về thời hạn tù cũng cần xem xét quyết định cho phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 175/2021/HS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên.

**[4]. Về trách nhiệm dân sự:** Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, bị hại không có kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Cầm Long T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Lò Thị Q số tiền là: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu*

đồng), bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo được 5.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0000038 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Điện Biên). Buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại chị Lò Thị Q số tiền còn lại là: 145.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Tuy nhiên ngày 01/9/2021 gia đình bị cáo đã bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 05 triệu đồng. Do vậy cần xem xét chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại Lò Thị Q số tiền là 140.000.000 đồng.

[5]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện D; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện D trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người này đều đảm bảo tính hợp pháp.

[6]. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, căn cứ theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d Khoản 1 Điều 12, điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Cẩm Long T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cẩm Long T.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2021/HS-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên như sau:

1. Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Cẩm Long T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng: điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cẩm Long T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Cẩm Long T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Lò Thị Q số tiền là: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại chị Lò Thị Q số tiền còn lại là: 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).



Kể từ ngày chị Lò Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản phải bồi thường cho chị Lò Thị Q thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**4. Án phí phúc thẩm:** Căn cứ Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 điều 12, điểm h Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Cầm Long T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**5.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**6.** Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (01/09/2021).

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- Nhà tạm giữ Công an huyện D;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã X, huyện D, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Trọng Đoàn**

